

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ**

---

**Mã số thuế: 0201011308 – Mã ĐVSDNS: 1067737**

**DỰ TOÁN THU - CHI  
NGUỒN THU SỰ NGHIỆP  
NĂM 2022**

**THÁNG 12 NĂM 2021**

Số: 4/5/QĐ-CDY

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán thu chi nguồn thu sự nghiệp năm 2022

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng trên cơ sở Trường Trung học Y tế Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ vào Kế hoạch tuyển sinh; Kế hoạch đào tạo; Quy chế chi tiêu nội bộ và tình hình tài chính của đơn vị năm học 2021-2022;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính- Kế toán,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Phê duyệt dự toán thu – chi từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị năm 2022 (Có nội dung chi tiết kèm theo).

**Điều 2:** Phòng Tài chính – Kế toán và các bộ phận liên quan có kế hoạch thực hiện các nội dung của dự toán đã phê duyệt theo đúng quy định.

**Điều 3:** Các ông (bà) Trưởng phòng Tài chính-Kế toán, TCHC-QT, Phòng Đào tạo – NCKH-HTQT, Phòng Công tác HS-SV, Phòng Thanh tra, khảo thí, kiểm định chất lượng, Phòng Công nghệ thông tin, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính, KBNN (để phối hợp);
- Lưu VT, TCKT.



**TS. Đào Văn Tùng**

Hải phòng, ngày tháng 12 năm 2021

**THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU CHI  
NĂM 2022**

-----

- Kính gửi :**
- Sở Tài chính Hải phòng.
  - Sở Y tế Hải phòng.
  - Sở Lao động – Thương binh & Xã hội

**I. Những số liệu cơ bản:**

1. Chỉ tiêu biên chế được giao: 59 người
2. Tổng số cán bộ giáo viên có mặt: 85 người  
*Trong đó:* Biên chế : 59 người  
Hợp đồng : 26 người
3. Tổng số học sinh có mặt bình quân trong năm: 1.297 học sinh  
*Trong đó:* Hệ cao đẳng chính quy : 1.262 học sinh  
Hệ trung học dài hạn : 35 học sinh

**II. Tình hình đặc điểm chung**

Năm 2021, được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân và các Sở, Ban, ngành Thành phố, Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng đã sửa chữa, mua sắm một số trang thiết bị giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, năm học 2021-2022, chỉ tiêu tuyển sinh của nhà trường đã có phần giảm hơn so với những năm học trước khiến cho nguồn thu của đơn vị giảm, ít nhiều ảnh hưởng đến các hoạt động chuyên môn của đơn vị.

Trong năm học 2021-2022, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, công tác tuyển sinh của nhà trường gặp rất nhiều khó khăn, thời điểm lập dự toán, các chỉ tiêu tuyển sinh năm thứ nhất đang là số kế hoạch, thực tế chưa tuyển sinh đủ do cơ chế tuyển sinh các trường Đại học, Cao đẳng bị lùi lại so với các năm học trước. Chính vì vậy, nhà trường rất cần sự quan tâm hơn nữa của Ủy ban nhân dân Thành phố và các Quý Sở.

### III. Tình hình thu chi tại đơn vị

Năm học 2021-2022, do nhu cầu xã hội, số lượng học sinh các đối tượng đã có xu hướng giảm. Trong quá trình học, số lượng học sinh bỏ học, bảo lưu cũng tăng hơn so với những năm học trước. Tuy nhiên, đơn vị cố gắng đảm bảo nguồn thu, tận thu và mở thêm các lớp dạy nghề, chuyển đổi để đảm bảo được nhu cầu giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Năm học 2021-2022 dự kiến số học sinh/ sinh viên sẽ giảm hơn, song nhà trường vẫn phải đảm bảo chương trình học tập cho người học theo quy định. Mặt khác, mức thu học phí năm học 2021-2022 chưa được tăng lên theo lộ trình của Nghị định 81/2021/NĐ-CP và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, do đó tổng nguồn thu cũng không đủ bù đắp chi phí cho các hoạt động của đơn vị.

Trường Cao đẳng Y tế xin thuyết minh dự toán thu chi năm 2022 như sau:

#### 1. Kinh phí thực hiện tự chủ:

Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí. Trong những năm vừa qua, đơn vị đã được UBND thành phố và các Sở quan tâm cấp kinh phí ổn định, đảm bảo lương và các khoản phụ cấp của cán bộ giáo viên. Đơn vị bổ sung 40% khoản chi lương, phụ cấp từ nguồn thu học phí năm học. Số kinh phí chi trả tiền lương phát sinh sẽ lấy bù từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị.

Phần thu từ nguồn học phí năm 2022 giảm so với năm 2021 do nguồn tuyển sinh năm 2022 dự kiến giảm, tháng 10/2021 một số lớp năm thứ 3 ra trường do đó lưu lượng học sinh / sinh viên giảm.

Các khoản thanh toán cho cá nhân vẫn đảm bảo ổn định so với năm 2021, nhà trường vẫn thực hiện đảm bảo các khoản thanh toán lương cán bộ biên chế và Hợp đồng lao động nhà trường từ nguồn thu của đơn vị.

Phần chi trả học phí của học sinh con em chính sách đơn vị được cấp bổ sung ngoài dự toán năm và tùy theo hồ sơ học sinh/ sinh viên thực tế của từng năm học (Tháng 03/2022 mới có đầy đủ hồ sơ) nên đơn vị không đưa vào dự toán.

Thanh toán các dịch vụ công cộng được giữ so với năm 2021. Nếu giá vật tư, hàng hóa, nhiên liệu... nhu cầu sử dụng tăng lên, nhà trường sẽ chi bổ sung từ nguồn thu sự nghiệp.



Chi cho hoạt động chuyên môn (Mục 7000 và 9050) năm 2022 được dự toán bằng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị. Khi có quyết định giao dự toán Ngân sách thành phố cho hoạt động này, đơn vị sẽ bổ sung dự toán.

## **2. Kinh phí không thực hiện tự chủ và đầu tư xây dựng cơ bản:**

Hàng năm, ngoài kinh phí nhà trường trích từ nguồn thu để đầu tư, bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, nhà trường vẫn cần Thành phố hỗ trợ 1 phần kinh phí để sửa chữa, cải tạo phục vụ cho công tác của đơn vị.

Năm 2020, nhà trường được Thành phố phê duyệt Dự án đầu tư ngành nghề trọng điểm và đã được cấp kinh phí để cải tạo, sửa chữa các phòng thực hành cho đào tạo nghề Điều dưỡng và nghề Dược. Tuy nhiên, để đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất của đơn vị đạt chuẩn theo cấp độ khu vực ASEAN (Nghề Điều Dưỡng) và cấp độ quốc gia (Nghề Dược) nhà trường cần được bổ sung sửa chữa, cải tạo các giảng đường, phòng học, phòng làm việc cho các Khoa, bộ môn.

Tuy nhiên, từ năm 2021, đơn vị đã thực hiện tự chủ chi thường xuyên, Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng rất mong được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân Thành phố và các Quý Sở để đơn vị đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Trong khi số học sinh, sinh viên có xu hướng giảm, nguồn thu ngày càng hạn chế, nhà trường kính mong được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân, các Sở, ban, ngành thành phố hỗ trợ, đảm bảo kinh phí chi đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho đơn vị, giúp đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng xin trân trọng cảm ơn!

### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- KBNN ( để phối hợp);
- Lưu VT, TCKT.



**TS. Đào Văn Tùng**

**DỰ TOÁN THU HỌC PHÍ, KPĐT NĂM 2022****I Phần thu** (Mức thu theo Nghị Quyết 02/2021/NQ- HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố)

| STT      | Tên lớp                              | Số lượng<br>HS-SV | Mức thu<br>HP 01 tháng | Mức thu 1 năm<br>( 2kỳ/10 tháng) | Tổng số tiền thu<br>01 năm |
|----------|--------------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|----------------------------|
| <b>A</b> | <b>Các lớp năm thứ ba ( 1 kỳ )</b>   |                   |                        |                                  |                            |
| 1        | Cao đẳng Điều dưỡng khóa 11          | 114               | 1.140.000              | 5.700.000                        | 649.800.000                |
| 2        | Cao đẳng Dược khóa 5 (A-E)           | 109               | 1.140.000              | 5.700.000                        | 621.300.000                |
| 3        | Cao đẳng Hộ sinh 3A                  | 3                 | 1.140.000              | 5.700.000                        | 17.100.000                 |
| 4        | CĐLT Điều dưỡng khóa 9               | 167               | 1.140.000              | 5.700.000                        | 951.900.000                |
| 5        | Cao đẳng Dược Liên thông 3A          | 34                | 1.140.000              | 5.700.000                        | 193.800.000                |
| 6        | Cao đẳng hộ sinh liên thông 1A       | 32                | 1.140.000              | 5.700.000                        | 182.400.000                |
| 7        | Y sỹ Đa khoa khóa 8                  | 24                | 1.000.000              | 5.000.000                        | 120.000.000                |
|          | <b>Cộng A</b>                        | <b>483</b>        |                        |                                  | <b>2.736.300.000</b>       |
| <b>B</b> | <b>Các lớp năm thứ hai</b>           |                   |                        |                                  |                            |
| 1        | CĐ Điều dưỡng chính quy khóa 12      | 133               | 1.140.000              | 11.400.000                       | 1.516.200.000              |
| 2        | CĐ Dược chính quy khóa 6             | 129               | 1.140.000              | 11.400.000                       | 1.470.600.000              |
| 3        | Cao đẳng hộ sinh 4A                  | 7                 | 1.140.000              | 11.400.000                       | 79.800.000                 |
| 4        | Cao đẳng Điều dưỡng CQ Khóa 13       | 221               | 1.140.000              | 11.400.000                       | 2.519.400.000              |
| 5        | Cao đẳng Dược Khóa 7                 | 235               | 1.140.000              | 11.400.000                       | 2.679.000.000              |
| 6        | Cao đẳng Hộ sinh 5A                  | 8                 | 1.140.000              | 11.400.000                       | 91.200.000                 |
| 7        | Y sỹ Đa khoa khóa 9                  | 39                | 1.000.000              | 10.000.000                       | 390.000.000                |
| 8        | Cao đẳng Điều dưỡng LT 10A           | 33                | 1.140.000              | 11.400.000                       | 376.200.000                |
|          | <b>Cộng B</b>                        | <b>805</b>        |                        |                                  | <b>9.122.400.000</b>       |
| <b>C</b> | <b>Các lớp năm thứ nhất ( 1 kỳ )</b> |                   |                        |                                  |                            |
| 1        | Cao đẳng Điều dưỡng CQ Khóa 14       | 210               | 1.140.000              | 5.700.000                        | 1.197.000.000              |
| 2        | Cao đẳng Dược Khóa 8                 | 210               | 1.140.000              | 5.700.000                        | 1.197.000.000              |
| 3        | Cao đẳng Hộ sinh Khóa 6              | 10                | 1.140.000              | 5.700.000                        | 57.000.000                 |
| 4        | Y sỹ Đa khoa khóa 10                 | 35                | 1.000.000              | 5.000.000                        | 175.000.000                |
| 5        | Cao đẳng Dược LT K4                  | 35                | 1.000.000              | 5.700.000                        | 199.500.000                |
|          | <b>CỘNG C</b>                        | <b>500</b>        |                        |                                  | <b>2.825.500.000</b>       |
|          | <b>TỔNG THU</b>                      | <b>1.788</b>      |                        |                                  | <b>14.684.200.000</b>      |

## II. Phần Chi

|                 |  |                       |
|-----------------|--|-----------------------|
| 1               | Thực hiện quỹ cải cách tiền lương (40% thu HP) | 5.873.680.000         |
| 2               | Trích 8% quỹ Học bổng KKHT                     | 1.174.736.000         |
| 3               | Số còn thực hiện các hoạt động                 | <u>7.635.784.000</u>  |
| <b>TỔNG CHI</b> |  | <b>14.684.200.000</b> |

Hải Phòng ngày 22 tháng 12 năm 2021

**Trưởng phòng TCKT**



**Nguyễn Thị Nhật**

Tên đơn vị : TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HẢI PHÒNG

Mã số ĐVQHNS : 1067737

Chương : 424    Chỉ tiêu được giao+ Hợp đồng: 85 người.

**DỰ TOÁN CHI NGUỒN THU CỦA ĐƠN VỊ NĂM 2022**

| Loại | Khoản | Nội dung  | Dự toán                      | Ghi chú  |
|------|-------|---|------------------------------|--|
|      |       | <b>CHI HOẠT ĐỘNG</b>                                      | <b><u>12.354.200.000</u></b> |  |
|      |       | <b>1/ Chi thanh toán cá nhân</b>                          | <b>10.878.416.000</b>        |  |
|      |       | Mục 6000: Tiền lương                                      | 5.873.680.000                |  |
|      |       | Mục 6050: Tiền công trả cho người lao động                | 250.000.000                  |  |
|      |       | Mục 6100: Phụ cấp lương                                   | 950.000.000                  | (Phụ cấp giảng bài vượt giờ, độc hại ....)           |
|      |       | Mục 6150: Học bổng và các khoản hỗ trợ khác cho sinh viên | 1.174.736.000                |  |
|      |       | Mục 6200: Tiền thưởng                                     | 10.000.000                   |  |
|      |       | Mục 6250:Phúc lợi tập thể                                 | 20.000.000                   | (Khám sức khỏe định kỳ )                             |
|      |       | Mục 6300: Các khoản đóng góp                              | 2.350.000.000                |  |
|      |       | Mục 6400:Các khoản thanh toán cho cá nhân                 | 250.000.000                  |  |
|      |       | <b>2/Chi về hàng hóa, dịch vụ</b>                         | <b>1.435.784.000</b>         |  |
|      |       | Mục 6500: Thanh toán các dịch vụ công cộng                | 120.000.000                  |  |
|      |       | Mục 6550: Vật tư văn phòng                                | 100.000.000                  |  |
|      |       | Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc               | 40.000.000                   |  |
|      |       | Mục 6650: Hội nghị  | 10.000.000                   |  |
|      |       | Mục 6700: Chi công tác phí                                | 20.000.000                   |  |
|      |       | Mục 6900: Sửa chữa thường xuyên                           | 100.000.000                  |  |
|      |       | Mục 7000: Chi nghiệp vụ chuyên môn                        | 1.045.784.000                | (Giảng bài của giáo viên , tiền thực tập thực tế...) |
|      |       | <b>3/ Các khoản chi khác</b>                              | <b>40.000.000</b>            |  |
|      |       | Mục 7750: Chi khác  | 40.000.000                   |  |



|  |  |                             |
|--|--|-----------------------------|
|  | <b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN:</b>  | <b><u>2.330.000.000</u></b> |
|  | Mục 6900, 9300: Chi sửa chữa, xây dựng   | 2.330.000.000               |
|  | 1. Sửa chữa phòng làm việc tầng 1 nhà A  | 980.000.000                 |
|  | 2. Cải tạo, sửa chữa công tường rào....  | 500.000.000                 |
|  | 3. Bổ sung nguồn thực hiện Dự án đầu tư nghề trọng điểm 2020, lộ trình 2021-2025 | 850.000.000                 |
|  | <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>14.684.200.000</b>       |

Số tiền bằng chữ: Mười bốn tỷ sáu trăm tám mươi tư triệu hai trăm ngàn đồng.

Ngày tháng năm 2021

SỞ TÀI CHÍNH

Phòng quản lý

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 12 năm 2021

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HẢI PHÒNG

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

Ths. Nguyễn Thị Nhật



HIỆU TRƯỞNG  
TS. Đào Văn Tùng